



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT **ngày** 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 **ngày** 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
	(từ ngày 10/5/2023)
Bà Đặng Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát
	(đến ngày 10/5/2023)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Nam Định, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng quỹ lương năm 2021 đến các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2023

Bao gồm trong số dư Phải trả người lao động có 15 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản Tổng Công ty trích lập dự phòng tiền lương để trả cho nhân viên cho năm 2022. Việc ghi nhận khoản dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng do Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2021 tương ứng với số tiền này. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng này vào Chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh hồi tố theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Do đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Chi phí quản lý doanh nghiệp bị ghi nhận thiếu 15 tỷ VND, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bị ghi nhận thừa 3 tỷ VND và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bị ghi nhận thừa 12 tỷ VND.

Vấn đề này đã khiến chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm 2021 của Tổng Công ty. Chúng tôi cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của năm hiện tại do ảnh hưởng của vấn đề này đối với tính có thể so sánh của Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại và số liệu so sánh có liên quan của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – Số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính riêng trong đó mô tả rằng một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ngày 28 tháng 10 năm 2023. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm hiện tại được mô tả trong Thuyết minh 35. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi không kiểm toán thông tin tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sau các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước, do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay sự đảm bảo nào đối với thông tin được điều chỉnh lại đó.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00249-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-03-2024**

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 5594-2020-007-1

ẤN * LỘN *

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		418.782.533.167	560.759.505.755
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.791.705.965	5.797.104.002
Tiền	111		2.791.705.965	5.797.104.002
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.200.000.000	21.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	22.200.000.000	21.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.866.197.904	209.388.418.395
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	160.928.388.168	209.954.428.742
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.959.769.582	1.442.971.612
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	9.638.318.620	7.630.249.913
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(9.660.278.466)	(9.639.231.872)
Hàng tồn kho	140	9	229.598.026.614	323.048.305.925
Hàng tồn kho	141		242.369.096.308	357.498.509.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.771.069.694)	(34.450.203.633)
Tài sản ngắn hạn khác	150		326.602.684	1.525.677.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	326.602.684	1.463.410.153
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	62.267.280

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		602.820.513.819	629.673.944.090
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.514.527.334	501.764.248
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	4.714.527.334	3.701.764.248
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		504.376.929.135	513.511.692.840
Tài sản cố định hữu hình	221	10	483.159.141.959	506.676.662.489
Nguyên giá	222		1.023.564.312.208	1.018.662.995.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(540.405.170.249)	(511.986.333.310)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	21.091.787.176	6.646.030.351
Nguyên giá	225		30.680.191.724	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.588.404.548)	(7.934.120.818)
Tài sản cố định vô hình	227		126.000.000	189.000.000
Nguyên giá	228		660.000.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(534.000.000)	(471.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	4.548.915.042	5.052.286.589
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.830.024.767)	(7.326.653.220)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.853.601.700	36.266.360.950
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	17.853.601.700	36.266.360.950
Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.683.209.426	64.883.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	3.000.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.843.331.182	9.458.630.037
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	10.843.331.182	9.458.630.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.021.603.046.986	1.190.433.449.845

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		892.264.459.474	925.467.493.430
Nợ ngắn hạn	310		589.909.188.127	600.648.604.577
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	90.854.480.888	137.138.066.878
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		823.053.022	1.692.556.718
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.044.384.314	3.452.061.108
Phải trả người lao động	314		3.551.261.349	7.574.003.835
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.702.630.248	1.606.629.152
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	7.358.900.067	7.362.664.051
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	483.574.478.239	441.417.515.003
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	-	405.107.832
Nợ dài hạn	330		302.355.271.347	324.818.888.853
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	831.923.822	1.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	301.523.347.525	322.986.965.031
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		129.338.587.512	264.965.956.415
Vốn chủ sở hữu	410	21	129.338.587.512	264.965.956.415
Vốn cổ phần	411	22	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	92.139.112.037	92.139.112.037
(Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(119.200.284.525)	16.427.084.378
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		16.165.519.466	12.874.153.441
- (Lỗi)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(135.365.803.991)	3.552.930.937
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.021.603.046.986	1.190.433.449.845

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.331.783.434.392	1.167.721.387.006
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.372.735.662.892	1.118.521.676.777
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(40.952.228.500)	49.199.710.229
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	37.822.399.713	57.405.376.207
Chi phí tài chính	22	28	93.747.394.926	80.540.723.850
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.178.200.043	35.452.964.285
Chi phí bán hàng	25	29	13.099.983.257	16.472.617.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	26.584.133.524	4.796.168.261
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(136.561.340.494)	4.795.576.975
Thu nhập khác	31		1.245.304.047	637.320.643
Chi phí khác	32		49.767.544	940.756.983
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.195.536.503	(303.436.340)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(135.365.803.991)	4.492.140.635
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	939.209.698
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(135.365.803.991)	3.552.930.937

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Đinh Thị Thu Hương
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(135.365.803.991)	4.492.140.635
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		56.626.584.837	57.390.545.620
Các khoản dự phòng	03		(21.658.087.345)	31.304.417.932
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.603.255.006	(22.581.098.966)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.361.534.294)	(13.239.224.010)
Chi phí lãi vay	06		59.178.200.043	35.452.964.285
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(40.977.385.744)	92.819.745.496
Biến động các khoản phải thu	09		44.584.902.594	(18.227.401.834)
Biến động hàng tồn kho	10		115.129.413.250	(148.009.325.798)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(58.651.184.808)	(69.118.778.813)
Biến động chi phí trả trước	12		(247.893.676)	(3.535.390.127)
			59.837.851.616	(146.071.151.076)
Tiền lãi vay đã trả	14		(54.168.724.499)	(32.809.362.655)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.066.844.922)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(666.672.744)	(2.360.500.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.002.454.373	(182.307.858.654)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(38.629.743.478)	(34.006.158.036)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		14.306.171.277	154.629.630
Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(1.200.000.000)	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		1.200.000.000	3.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.304.452.633	8.946.141.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.019.119.568)	(26.905.386.953)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.178.349.715.355	1.103.977.286.540
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.160.471.112.063)	(922.699.945.093)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.440.114.843)	(2.170.763.223)
Tiền trả cổ tức	36		(3.709.330.000)	(2.480.586.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.729.158.449	176.625.992.224
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.287.506.746)	(32.587.253.383)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		5.797.104.002	38.235.752.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		282.108.709	148.604.556
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	2.791.705.965	5.797.104.002

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết, được liệt kê tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 920 nhân viên (1/1/2023: 1.031 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tổng Công ty có khoản lỗ thuần sau thuế trước hợp nhất trong năm là 135.366 triệu VND (2022: lợi nhuận thuần sau thuế trước hợp nhất là 3.553 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 171.127 triệu VND (1/1/2023: 39.889 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
-----------	------------

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	1.409.818.540	1.998.380.477
Tiền gửi ngân hàng	1.381.887.425	3.798.723.525
	2.791.705.965	5.797.104.002

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		1/1/2023
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	22.200.000.000	22.200.000.000	21.000.000.000
	3.000.000.000	(*)	4.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
Trái phiếu (ii)	3.000.000.000	(*)	4.200.000.000

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 7%/năm (1/1/2023: từ 4,8% đến 6,4%/năm).

(ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất 4,7%/năm (1/1/2023: từ 6,8% đến 7,2%/năm).

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023				1/1/2023	
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty con						
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	2.836.200	52,52%	2.876.479.633	(*)	2.836.200	52,52%
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	5.000.000	100,00%	5.000.000.000	(*)	5.000.000	100,00%
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	5.632.500	62,58%	5.632.500.000	(*)	5.632.500	62,58%
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	4.009.500	53,46%	4.009.500.000	(*)	4.009.500	53,46%
			<u>17.518.479.633</u>			<u>17.518.479.633</u>
Công liên kết						
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	304.517	36,00%	3.045.174.793	(*)	304.517	36,00%
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.300.000	36,92%	23.000.000.000	(*)	2.300.000	36,92%
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	198.000	36,00%	1.980.000.000	(*)	198.000	36,00%
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)	1.379.100	45,97%
			<u>41.816.174.793</u>			<u>41.816.174.793</u>
Đơn vị khác						
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	107.079	0,002%	1.348.555.000	2.901.840.900	107.079	0,002%
			<u>60.683.209.426</u>			<u>60.683.209.426</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	11.114.747.402	17.758.160.017
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	900.806.538	1.839.725.798
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	240.371.733	119.819.466
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	84.918.702.921	84.383.749.597
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	301.588.423
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	11.397.904.974	46.079.800.144
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	6.813.664.110	-
Công ty TNHH Thành Vin	4.924.999.999	5.014.999.999
Công ty TNHH Dệt May Linh Giang	3.398.620.035	3.347.475.555
Các khách hàng khác	37.218.570.456	51.109.109.743
	160.928.388.168	209.954.428.742

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 8,7%/năm (1/1/2023: 7,5%/năm) khi quá hạn.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (i)	2.448.642.181	2.448.642.181
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	2.749.616.129	2.057.276.343
Cổ tức phải thu các công ty con và các công ty liên kết	-	2.616.550.000
Ký cược, ký quỹ	3.699.247.000	420.868.000
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	561.683.672	-
Phải thu khác	179.129.638	86.913.389
	9.638.318.620	7.630.249.913

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	1.249.738.037	1.091.154.505
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	1.169.610.199	564.017.652
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	319.756.045	471.194.186
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	10.511.848	324.000.000
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	-	1.827.460.000
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	396.000.000
	2.749.616.129	4.673.826.343

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	1.514.527.334	501.764.248
	4.714.527.334	3.701.764.248

- (*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

31/12/2023					1/1/2023					
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND (Đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND (Đã điều chỉnh lại)	Giá trị có thể thu hồi VND		
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 4 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-	Trên 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 4 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-		
Các đối tượng khác		-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	374.783.752	(107.008.301)	267.775.451		
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	18.089.415	(9.044.708)	9.044.707	Từ 1 năm đến 2 năm	384.035.694	(201.062.555)	182.973.139		
Các đối tượng khác	Từ 2 - 3 năm	571.841.703	(400.289.192)	171.552.511						
Các đối tượng khác	Trên 4 năm	4.642.885.202	(4.642.885.202)	-	Trên 3 năm	4.633.101.652	(4.633.101.652)	-		
13.040.875.684				(12.860.278.466)	180.597.218	13.289.980.462			(12.839.231.872)	450.748.590
Trong đó:										
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				(9.660.278.466)		(9.639.231.872)				
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi				(3.200.000.000)		(3.200.000.000)				
				(12.860.278.466)		(12.839.231.872)				

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	23.598.213.789	(537.824.343)	34.504.747.200	(1.400.278.455)
Nguyên vật liệu	78.775.389.965	(1.795.361.408)	82.784.242.919	(3.359.566.472)
Công cụ và dụng cụ	87.146.250	-	140.686.295	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.604.280.479	(127.726.551)	10.116.086.154	(410.533.003)
Thành phẩm	108.389.434.240	(10.252.669.652)	200.191.645.576	(29.033.139.035)
Hàng hóa	25.914.631.585	(57.487.740)	24.244.948.045	(246.686.668)
Hàng gửi bán	-	-	5.516.153.369	-
	242.369.096.308	(12.771.069.694)	357.498.509.558	(34.450.203.633)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	313.900.880.492	659.230.899.104	42.593.317.343	2.937.898.860	1.018.662.995.799
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.897.181.207	39.487.213.888	-	586.683.962	45.971.079.057
Thanh lý	-	(41.069.762.648)	-	-	(41.069.762.648)
Số dư cuối năm	319.798.061.699	657.648.350.344	42.593.317.343	3.524.582.822	1.023.564.312.208
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	116.455.872.352	368.875.217.814	24.671.370.508	1.983.872.636	511.986.333.310
Khấu hao trong năm	15.641.409.995	35.146.937.010	3.410.210.392	207.372.163	54.405.929.560
Thanh lý	-	(25.987.092.621)	-	-	(25.987.092.621)
Số dư cuối năm	132.097.282.347	378.035.062.203	28.081.580.900	2.191.244.799	540.405.170.249
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	197.445.008.140	290.355.681.290	17.921.946.835	954.026.224	506.676.662.489
Số dư cuối năm	187.700.779.352	279.613.288.141	14.511.736.443	1.333.338.023	483.159.141.959

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 253.546 triệu VND (1/1/2023: 209.989 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 410.949 triệu VND (1/1/2023: 440.195 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	14.580.151.169
Tăng trong năm	14.845.043.354
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.254.997.201
Số dư cuối năm	30.680.191.724
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	7.934.120.818
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	9.773.527.126
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 35)	(1.839.406.308)
Khấu hao trong năm	1.654.283.730
Số dư cuối năm	9.588.404.548
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	6.646.030.351
Số dư cuối năm	21.091.787.176

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.326.653.220
Khấu hao trong năm	503.371.547
Số dư cuối năm	7.830.024.767
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.052.286.589
Số dư cuối năm	4.548.915.042

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	36.266.360.950	18.480.307.484
Tăng trong năm	31.646.533.327	40.999.312.178
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.971.079.057)	(19.621.319.851)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(1.254.997.201)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.701.851.077)	(3.343.662.774)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(68.888.515)	(198.819.000)
Thanh lý	(1.051.500.000)	-
Xóa sổ	(10.976.727)	(49.457.087)
Số dư cuối năm	17.853.601.700	36.266.360.950

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.566
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	-	14.245.941.965
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy May 2	-	3.746.417.088
Các công trình khác	-	420.400.196
Số dư cuối năm	17.853.601.700	36.266.360.950

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	177.325.001	845.274.113
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	149.277.683	618.136.040
	326.602.684	1.463.410.153

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	9.458.630.037
Tăng trong năm	6.702.026.677
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.701.851.077
Phân bổ trong năm	(7.019.176.609)
Số dư cuối năm	10.843.331.182

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	1.707.803.130	647.219.254
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	10.134.547.715	-
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	10.017.777.600	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	1.661.742.000	-
Bên khác		
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	5.231.702.617	6.080.218.927
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	5.800.542.285	4.676.424.000
Công ty Cổ phần Xây dựng BYD Việt Nam	3.150.018.845	11.150.018.845
Olam International Limited	55.312.367	34.160.664.384
Alenberg Cotton Co., A Division Of Louis Dreyfus		
Company Cotton LLC	-	14.372.978.796
Các nhà cung cấp khác	53.095.034.329	66.050.542.672
	90.854.480.888	137.138.066.878

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023	Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	31/12/2023
	VND	trong năm	trong năm	VND
	(Đã điều chỉnh lại)	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.473.098.983	26.311.522.739	(28.651.468.456)	133.153.266
Thuế nhập khẩu	-	367.802.843	(367.802.843)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.209.698	-	(62.267.280)	876.942.418
Thuế thu nhập cá nhân	25.764.395	187.352.838	(191.887.883)	21.229.350
Thuế tài nguyên	13.988.032	298.580.738	(299.509.490)	13.059.280
Tiền thuê đất	-	6.393.238.640	(6.393.238.640)	-
Các loại thuế khác	-	36.217.600	(36.217.600)	-
	3.452.061.108	33.594.715.398	(36.002.392.192)	1.044.384.314

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.616.501.699	1.278.596.863
Chi phí khác	1.086.128.549	328.032.289
	2.702.630.248	1.606.629.152

18. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	480.383.556	349.892.611
Cổ tức phải trả	1.496.390.250	5.205.720.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.329.226.261	1.746.871.190
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	52.900.000	60.180.000
	7.358.900.067	7.362.664.051

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty	712.500.000	1.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	831.923.822	1.831.923.822

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2023	Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND
Vay ngắn hạn	420.841.972.302	1.163.069.973.130	(1.142.563.309.867)	(45.595.749)
Vay dài hạn đến hạn trả	18.443.614.851	36.596.991.640	(17.907.802.196)	725.674.082
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.131.927.850	6.684.736.181	(4.440.114.843)	36.410.858
				4.412.960.046
	441.417.515.003	1.206.351.700.951	(1.164.911.226.906)	716.489.191
				483.574.478.239

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	6% - 7%	1.000.000.000	320.000.000
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,95% - 5,05%	66.545.284.920	91.259.996.414
Vay ngân hàng 2	VND	6,95% - 7,25%	90.421.933.486	68.472.205.898
Vay ngân hàng 3	USD	5,50%	-	20.879.043.261
Vay ngân hàng 4	VND	7% - 8%	67.689.181.439	55.834.358.545
Vay ngân hàng 5	VND	8,2%	75.484.359.120	29.649.158.942
Vay ngân hàng 6	USD	5,7%	-	51.231.156.719
Vay ngân hàng 7	USD	5% - 5,3%	13.065.695.862	30.773.431.194
Vay ngân hàng 8	USD	5,4% - 5,86%	28.648.654.458	45.488.477.945
Vay ngân hàng 9	VND	8,24% - 8,44%	57.042.414.062	14.939.405.430
Vay ngân hàng 10	VND	9,3%	13.908.987.520	-
Vay nhân viên	VND	5% - 7%	27.496.528.949	11.994.737.954
			441.303.039.816	420.841.972.302

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 57.917 triệu VND (1/1/2023: 57.208 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	328.138.158.034	339.959.902.660
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	15.656.627.914	3.602.605.072
	343.794.785.948	343.562.507.732
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(42.271.438.423)	(20.575.542.701)
	301.523.347.525	322.986.965.031

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,50%	2025	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	132.621.772.184	131.633.950.652
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2025	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay thành viên Ban Giám đốc (*)	VND	9,00%	2024	1.000.000.000	1.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 11 (***)	USD	10,1%	2027	70.338.297.744	78.647.168.873
Vay từ ngân hàng 12 (***)	VND	14,3%	2027	41.301.125.713	41.301.125.713
Vay từ ngân hàng 7 (****)	USD	5,2%	2024	427.573.785	4.928.268.814
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	8.450.000.000	8.450.000.000
				328.138.158.034	339.959.902.660

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 112.876 triệu VND (1/1/2023: 123.764 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 206.717 triệu VND (1/1/2023: 221.465 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(****) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 33.439 triệu VND (1/1/2023: 37.758 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	405.107.832	656.454.493
Trích lập trong năm	261.564.912	2.109.153.340
Sử dụng trong năm	(666.672.744)	(2.360.500.001)
Số dư cuối năm	-	405.107.832

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	136.000.000.000	64.017.067.516	70.305.111.302	270.322.178.818
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	3.552.930.937	3.552.930.937
Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây	-	-	204.092.146	204.092.146
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 35)	-	-	3.348.838.791	3.348.838.791
Phân bổ vào các quỹ	-	28.122.044.521	(28.122.044.521)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.109.153.340)	(2.109.153.340)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	20.399.760.000	-	(20.399.760.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 – đã điều chỉnh lại	156.399.760.000	92.139.112.037	16.427.084.378	264.965.956.415
Lỗ thuần trong năm	-	-	(135.365.803.991)	(135.365.803.991)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(261.564.912)	(261.564.912)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	156.399.760.000	92.139.112.037	(119.200.284.525)	129.338.587.512

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 và 1/1/2023	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	47.152.719.167	49.103.866.167
	56.908.454.167	58.859.601.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	16.736	402.556.558	55.607	1.301.704.429
EUR	450	11.738.650	450	10.955.084
		414.295.208		1.312.659.513

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Bán hàng	1.177.540.895.561	1.012.771.854.542
Dịch vụ gia công	104.732.203.458	106.829.811.425
Cung cấp dịch vụ khác	37.360.592.623	38.668.041.437
Cho thuê bất động sản đầu tư	12.149.742.750	9.451.679.602
	1.331.783.434.392	1.167.721.387.006

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.258.232.240.695	945.650.058.325
Dịch vụ gia công	104.125.009.921	105.866.443.916
Dịch vụ đã cung ứng	28.449.475.337	28.453.610.173
Bất động sản đầu tư cho thuê	3.608.070.878	4.667.522.443
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.679.133.939)	33.884.041.920
	1.372.735.662.892	1.118.521.676.777

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.698.601.305	892.957.049
Lãi trái phiếu	276.825.000	276.119.404
Lãi do người mua chậm trả	5.039.279.781	2.250.309.412
Cổ tức được chia	2.274.160.000	10.393.615.000
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	1.000.000.000	2.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.581.098.966
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.533.533.627	19.011.276.376
	37.822.399.713	57.405.376.207

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	59.178.200.043	35.452.964.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.965.939.877	45.087.759.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.603.255.006	-
	93.747.394.926	80.540.723.850

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương nhân viên	3.044.285.444	178.236.308
Chi phí vận chuyển	5.258.606.684	9.511.977.816
Chi phí đại lý bán hàng	2.430.782.645	4.452.905.981
Chi phí xuất khẩu	2.164.391.747	2.116.985.136
Chi phí bán hàng khác	201.916.737	212.512.109
	13.099.983.257	16.472.617.350

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí lương nhân viên	7.708.596.173	(8.601.744.381)
Dự phòng phải thu khó đòi	21.046.594	(2.579.623.988)
Chi phí phân bổ trả trước	2.158.747.350	1.152.926.491
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.054.346.220	2.556.084.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.641.397.187	12.268.525.176
	26.584.133.524	4.796.168.261

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	518.377.091.345	784.588.567.040
Chi phí nhân công	106.712.720.295	92.527.105.203
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.626.584.837	57.390.545.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.103.329.453	192.159.550.626
Chi phí khác	24.719.271.504	21.568.553.787
	881.538.997.434	1.148.234.322.276

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(135.365.803.991)	4.492.140.635
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(27.073.160.798)	898.428.127
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.821.125.683	225.006.808
Thu nhập không bị tính thuế	(454.832.000)	(2.078.723.000)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	996.085.496
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	15.706.867.115	898.412.267
	-	939.209.698

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND (Đã điều chỉnh lại)	Giá trị thuế VND (Đã điều chỉnh lại)
Chênh lệch tạm thời	25.270.480.145	5.054.096.029	25.270.480.145	5.054.096.029
Lỗi tính thuế	78.534.335.574	15.706.867.115	-	-
	103.804.815.719	20.760.963.144	25.270.480.145	5.054.096.029

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	78.534.335.574

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND (Đã điều chỉnh lại)
2024	2.044.862.629
2025	18.245.190.035
2027	4.980.427.481
	25.270.480.145

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	16.613.760.299	253.185.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.438.558.390	45.000.000
Chia cổ tức bằng tiền	-	3.649.850.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	10.948.551.192
Hoàn trả khoản vay	3.208.739.710	2.908.554.737
Chi phí lãi vay	4.549.957.195	4.549.957.195
Lãi vay phát sinh trên khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.194.707.732	3.050.513.530

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định</i>		
Cổ tức	-	141.810.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.992.776	43.896.276
Mua dịch vụ	9.287.197.712	10.528.070.721
Chi phí lãi vay	935.125.000	806.125.000
<i>Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	-	600.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.098.523.640	7.923.939.529
<i>Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	-	675.900.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.998.805.936	63.136.325.237
Mua hàng hóa	25.951.390.242	29.976.570.289
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	24.500.000	-
Thu nhập lãi trả chậm	889.352.782	106.776.151
<i>Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	-	1.082.565.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.938.534.364	2.230.738.359
Mua hàng hóa	9.383.840.477	5.386.350
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	-	633.600.000
Bán hàng hóa	5.232.627.240	1.246.332.366
Mua hàng hóa	3.896.650.000	-
Nhận tiền vay	2.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	2.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	12.096.774	-
Nhận hoàn trả khoản vay	-	3.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	81.196.908
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	2.274.160.000	4.600.000.000
Nhận hỗ trợ	1.000.000.000	2.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	-	729.000.000
Cung cấp dịch vụ	9.203.344.902	5.088.837.512
Bán máy móc, thiết bị	44.524.164	-
Mua hàng hóa	9.282.864.100	4.771.363.500

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	-	1.930.740.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	458.866.788.882	233.070.865.682
Mua hàng hóa	350.921.570.084	130.416.627.830
Thu nhập lãi trả chậm	4.149.926.999	2.143.533.261
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	44.800.000	56.100.000
Thu về thanh lý tài sản	227.772.720	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	29.536.492.525
Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc		
Nhận tiền vay	1.000.000.000	320.000.000
Hoàn trả khoản vay	320.000.000	100.000.000
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của		
Người quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	86.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	62.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	52.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	52.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	52.000.000	36.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	52.000.000	36.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	52.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	-	12.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	413.283.875	315.427.850
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	10.000.000	36.980.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	343.250.436	326.134.198
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	10.000.000	36.980.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	292.737.005	226.464.979
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc	-	287.233.480
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	62.000.000	36.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	37.000.000	24.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	13.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023 VND	2022 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản nhận hỗ trợ phải thu	1.000.000.000	2.000.000.000
Bù trừ khoản phải thu với khoản nhận ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	-
Lãi vay nhập gốc	1.089.215.637	913.128.741

35. Thông tin so sánh

Trong năm, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ngày 28 tháng 10 năm 2023. Các điều chỉnh này như sau:

- (i) Điều chỉnh giảm Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 2.448.642.181 VND.
- (ii) Điều chỉnh giảm Giá trị hao mòn lũy kế của Tài sản cố định thuê tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 1.839.406.308 VND.
- (iii) Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Chi phí Thuế TNDN hiện hành cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 939.209.698 VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	Mã số	1/1/2023 (Theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	1/1/2023 (Đã điều chỉnh lại) VND
Tài sản ngắn hạn	100	558.310.863.574	2.448.642.181	560.759.505.755
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	206.939.776.214	2.448.642.181	209.388.418.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(12.087.874.053)	2.448.642.181	(9.639.231.872)
Tài sản dài hạn	200	627.834.537.782	1.839.406.308	629.673.944.090
Tài sản cố định	220	511.672.286.532	1.839.406.308	513.511.692.840
Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.806.624.043	1.839.406.308	6.646.030.351
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(9.773.527.126)	1.839.406.308	(7.934.120.818)
TỔNG TÀI SẢN	270	1.186.145.401.356	4.288.048.489	1.190.433.449.845
Nợ phải trả	300	924.528.283.732	939.209.698	925.467.493.430
Nợ ngắn hạn	310	599.709.394.879	939.209.698	600.648.604.577
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.512.851.410	939.209.698	3.452.061.108
Vốn chủ sở hữu	410	261.617.117.624	3.348.838.791	264.965.956.415
LNST chưa phân phối	421	13.078.245.587	3.348.838.791	16.427.084.378
- LNST năm nay	421b	204.092.146	3.348.838.791	3.552.930.937
TỔNG NGUỒN VỐN	440	1.186.145.401.356	4.288.048.489	1.190.433.449.845

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	2022 (Theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	2022 (Đã điều chỉnh lại) VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.120.361.083.085	(1.839.406.308)	1.118.521.676.777
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.244.810.442	(2.448.642.181)	4.796.168.261
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	507.528.486	4.288.048.489	4.795.576.975
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	204.092.146	4.288.048.489	4.492.140.635
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	939.209.698	939.209.698
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	204.092.146	3.348.838.791	3.552.930.937

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Mã số	2022 (Theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	2022 (Đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	204.092.146	4.288.048.489	4.492.140.635
Khấu hao và phân bổ	02	59.229.951.928	(1.839.406.308)	57.390.545.620
Các khoản dự phòng	03	33.753.060.113	(2.448.642.181)	31.304.417.932



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoại trừ các số liệu được điều chỉnh lại nêu trên, các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

